

**TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>        | <b><u>TRANG</u></b> |
|-------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC          | 1                   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP     | 2 - 3               |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN          | 4                   |
| BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ   | 5                   |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 6 - 10              |

**TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ**  
Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam  
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Cộng đồng Thiện Chí (gọi tắt là "Trung tâm") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Trung tâm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Thân - Giám đốc đã điều hành Trung tâm trong năm và đến ngày lập báo cáo này.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Việt & Co - Thành viên độc lập của Morison KSi bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm kiểm toán viên cho Trung tâm.

**TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC**

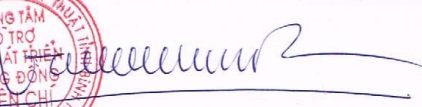
Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, thu nhập và chi phí cũng như các khoản tiền đã nhận và chi tiêu của Trung tâm trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính tuân thủ đúng hệ thống kế toán được lựa chọn; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Trung tâm ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ đúng hệ thống kế toán được lựa chọn. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trung tâm và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Trung tâm đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



  
Nguyễn Văn Thân  
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Số/17.27/VIET&CO-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi: Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Cộng đồng Thiện Chí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Cộng đồng Thiện Chí (gọi tắt là “Trung tâm”), được lập ngày 2 tháng 3 năm 2017, từ trang 4 đến trang 10, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo thu nhập và chi phí cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

#### *Trách nhiệm của Giám đốc*

Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm phù hợp với các nguyên tắc kế toán được trình bày tại thuyết minh số II và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trung tâm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như báo cáo thu nhập và chi phí cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với nguyên tắc kế toán được trình bày tại Thuyết minh số II của thuyết minh báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 12 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý đến thuyết minh số II của báo cáo tài chính, trong đó trình bày cơ sở lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán được chấp nhận và thực hiện bởi Trung tâm. Báo cáo tài chính được lập chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tài chính đến Giám đốc và các nhà tài trợ của Trung tâm. Do đó, báo cáo tài chính có thể không phù hợp cho một mục đích khác. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi được lập cho cùng mục đích nêu trên và không được chuyển giao hoặc được sử dụng bởi các bên khác.



**Nguyễn Quang Ty**  
Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1353-2016-252-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
Công ty TNHH Kiểm toán Việt & Co  
Thành viên độc lập của Morison KSi  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2017

**Lương Quý Hiền**  
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 3121-2016-252-1

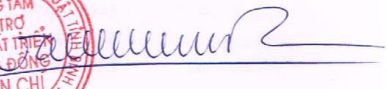
**TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIÊN CHÍ**Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam  
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| Mã         | KHOẢN MỤC                                 | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
|            | <b>TÀI SẢN</b>                            |             |                       |                       |
|            | <b>Tài sản cố định</b>                    |             | <b>7.172.900.000</b>  | <b>7.512.309.000</b>  |
| 028        | Tài sản cố định hữu hình                  | III.1       | -                     | 1.136.882.250         |
| 028a       | Khấu hao tài sản                          | III.1       | -                     | (837.698.250)         |
| 040        | Tài sản tài chính                         | III.2       | 7.172.900.000         | 7.213.125.000         |
|            | <b>Tài sản lưu động</b>                   |             | <b>8.841.340.683</b>  | <b>10.439.659.461</b> |
| 050        | Nguyên vật liệu, hàng hóa dở dang tồn kho |             | 1.244.557.939         | 1.280.800.336         |
| 072        | Phải thu khác                             | III.3       | 1.031.619.542         | 3.433.985.601         |
| 084        | Tiền gửi ngân hàng                        | III.4       | 6.554.928.393         | 5.715.303.399         |
| 088        | Tiền tại quỹ                              | III.4       | 10.234.809            | 9.570.125             |
| <b>110</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                  |             | <b>16.014.240.683</b> | <b>17.951.968.461</b> |
|            | <b>NGUỒN VỐN</b>                          |             |                       |                       |
|            | <b>VỐN HOẠT ĐỘNG</b>                      |             | <b>14.267.327.915</b> | <b>16.396.220.937</b> |
| 120        | Vốn xã hội hay cá nhân                    |             | 6.243.542.392         | 6.243.542.392         |
| 134        | Chuyển sang niên độ mới                   |             | 10.049.159.545        | 12.898.879.357        |
| 136        | Kết quả niên độ                           |             | (2.025.374.022)       | (2.746.200.812)       |
|            | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                        |             | <b>1.746.912.768</b>  | <b>1.555.747.524</b>  |
| 172        | Các khoản nợ khác                         |             | 1.746.912.768         | 1.555.747.524         |
| <b>180</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                |             | <b>16.014.240.683</b> | <b>17.951.968.461</b> |


Nguyễn Thị Minh Thuận  
Phụ trách kế toán
  
 \* Nguyễn Văn Thân  
 Giám đốc  
 Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 10 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

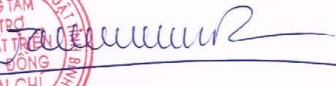
**TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ**Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam  
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| Mã   | Diễn giải                                | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|------|--|-------------|------------------------|------------------------|
|      | <b>THU NHẬP</b>                          |             |                        |                        |
| 70   | <b>Bán sản phẩm</b>                      |             | <b>1.963.571.000</b>   | <b>3.292.244.574</b>   |
| 701  | Bán sản phẩm                             |             | 1.963.571.000          | 3.288.224.574          |
| 703  | Bán tài sản                              |             | -                      | 4.020.000              |
| 74   | <b>Trợ cấp hoạt động</b>                 |             | <b>9.063.253.105</b>   | <b>10.590.753.791</b>  |
| 741  | Trợ cấp từ các nhà tài trợ               | IV.1        | 8.934.716.005          | 10.477.269.791         |
| 778  | Trợ cấp khác                             | IV.2        | 128.537.100            | 113.484.000            |
| 76   | <b>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</b>  |             | <b>312.188.157</b>     | <b>363.351.777</b>     |
| 766  | Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ               |             | 3.992.080              | 35.425.773             |
| 768  | Lãi ngân hàng                            |             | 24.386.077             | 23.698.254             |
| 768a | Lãi tín dụng                             |             | 283.810.000            | 304.227.750            |
|      | <b>Tổng thu nhập</b>                     |             | <b>11.339.012.262</b>  | <b>14.246.350.142</b>  |
|      | <b>CHI PHÍ</b>                           |             |                        |                        |
| 60   | <b>Mua vật liệu</b>                      |             | <b>2.092.367.837</b>   | <b>3.494.831.387</b>   |
| 601  | Mua nguyên liệu                          | IV.3        | 1.951.624.751          | 3.288.224.574          |
| (*)  | Mua vật liệu khác, công cụ nhỏ           |             | 82.764.427             | 158.900.150            |
| 606  | Mua năng lượng                           | IV.3        | 57.978.659             | 47.706.663             |
| 61   | <b>Chi phí dịch vụ</b>                   |             | <b>4.033.301.699</b>   | <b>5.537.800.854</b>   |
| 613  | Chi phí cư trú                           | IV.3        | 109.635.000            | 171.871.800            |
| 615  | Chi phí sửa chữa, nhiên liệu             | IV.3        | 317.704.468            | 641.451.392            |
| 617  | Chi phí đào tạo và văn phòng phẩm        | IV.3        | 2.993.174.231          | 4.357.228.450          |
| 618  | Chi phí dịch vụ khác                     | IV.3        | 612.788.000            | 367.249.212            |
| 62   | <b>Chi phí di chuyển và dịch vụ khác</b> |             | <b>143.235.945</b>     | <b>273.185.471</b>     |
| 64   | <b>Chi phí lương phải trả</b>            |             | <b>4.786.458.318</b>   | <b>4.053.539.634</b>   |
| 64a  | Chi phí phải trả cho nhân viên           | IV.3        | 4.194.913.318          | 3.146.890.234          |
| 64b  | Chi phí phải trả cho cộng tác viên       | IV.3        | 591.545.000            | 906.649.400            |
| 65   | <b>Chi phí quản lý khác</b>              | IV.3        | <b>2.249.615.945</b>   | <b>3.195.476.000</b>   |
| 66   | <b>Chi phí tài chính</b>                 | IV.3        | <b>1.485.188</b>       | <b>2.162.110</b>       |
| 67   | <b>Chi phí khác</b>                      |             | <b>15.414.750</b>      | <b>209.400.000</b>     |
| 68   | <b>Chi phí khấu hao tài sản</b>          |             | <b>-</b>               | <b>134.537.250</b>     |
| 69   | <b>Chi phí chênh lệch tỷ giá</b>         |             | <b>42.506.602</b>      | <b>91.618.248</b>      |
|      | <b>Tổng chi phí</b>                      |             | <b>13.364.386.284</b>  | <b>16.992.550.954</b>  |
|      | <b>Lỗ hoạt động</b>                      |             | <b>(2.025.374.022)</b> | <b>(2.746.200.812)</b> |
|      | <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>        |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
|      | <b>Lỗ</b>                                |             | <b>(2.025.374.022)</b> | <b>(2.746.200.812)</b> |


Nguyễn Thị Minh Thuận  
Phụ trách kế toán

  
Nguyễn Văn Thân  
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 10 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

## **TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ**

Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam  
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **I. THÔNG TIN TRUNG TÂM**

Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Cộng đồng Thiện Chí (gọi tắt là "Trung tâm") là một Tổ chức Xã hội, trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Tỉnh Bình Thuận theo quyết định số 165QĐ/LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

Hoạt động chính của Trung tâm là cung cấp các dịch vụ tư vấn, đào tạo và các dịch vụ trong hoạt động phát triển cộng đồng. Ngoài ra Trung tâm còn thực hiện các hoạt động đào tạo, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cho các thành phần kinh tế trong tỉnh nếu có nhu cầu đặc biệt ưu tiên các hoạt động chuyển giao cho vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa.

Tổng số nhân viên của Trung tâm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 60 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 63 người).

Trung tâm tọa lạc tại Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

#### **II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

##### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực thu - thực chi điều chỉnh và phù hợp với các chính sách kế toán trình bày trong thuyết minh này. Báo cáo tài chính được lập chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tài chính đến Giám đốc và các nhà tài trợ của Trung tâm. Theo đó, việc trình bày báo cáo tài chính có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung khác.

##### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trung tâm là VNĐ.

##### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Trung tâm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

##### **Ghi nhận thu nhập**

Thu nhập được ghi nhận trên cơ sở thực thu tiền.

##### **Ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở thực chi tiền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tài sản cố định**

|                               | Thiết bị, dụng cụ<br>quản lý<br>VNĐ |
|-------------------------------|-------------------------------------|
| <b>NGUYỄN GIÁ</b>             |                                     |
| Tại ngày đầu năm              | 1.136.882.250                       |
| Giảm trong năm                | <u>(1.136.882.250)</u>              |
| Tại ngày cuối năm             | -                                   |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                                     |
| Tại ngày đầu năm              | 837.698.250                         |
| Giảm trong năm                | <u>(837.698.250)</u>                |
| Tại ngày cuối năm             | -                                   |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                                     |
| Tại ngày đầu năm              | <u>299.184.000</u>                  |
| Tại ngày cuối năm             | -                                   |

**2. Tài sản tài chính**

|                      | Cuối năm<br>VNĐ      | Đầu năm<br>VNĐ       |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Cấp vốn tạo việc làm | 2.000.000            | -                    |
| Cấp vốn hộ khó khăn  | 7.170.900.000        | 7.213.125.000        |
| <b>Tổng cộng</b>     | <u>7.172.900.000</u> | <u>7.213.125.000</u> |

**3. Phải thu khác**

|                            | Cuối năm<br>VNĐ      | Đầu năm<br>VNĐ       |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu của Mekong Quilts | 635.285.542          | 2.694.833.083        |
| Phải thu nhân viên tạm ứng | 396.334.000          | 739.152.518          |
| <b>Tổng cộng</b>           | <u>1.031.619.542</u> | <u>3.433.985.601</u> |

**4. Tiền**

|                    | Cuối năm<br>VNĐ      | Đầu năm<br>VNĐ       |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt           | 10.234.809           | 9.570.125            |
| Tiền gửi ngân hàng | 6.554.928.393        | 5.715.303.399        |
| <b>Tổng cộng</b>   | <u>6.565.163.202</u> | <u>5.724.873.524</u> |

**5. Phải trả**

Nhân viên của Trung tâm sẽ được hỗ trợ quỹ cá nhân bằng 9% tính trên tổng số tiền được nhận từ Trung tâm sau khi trừ đi lương cơ bản. Trung tâm giữ lại quỹ này và sẽ trả lại khi nhân viên nghỉ việc.

**TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ**Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam  
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ****1. Trợ cấp từ các nhà tài trợ**

|   | Năm nay<br>VNĐ       | Năm trước<br>VNĐ      |
|---|----------------------|-----------------------|
| Nhận tài trợ từ một số nguồn kinh phí vào qua Mekong Plus | 7.270.000.000        | 10.152.942.943        |
| Nhận tài trợ từ tổ chức Partage                           | 493.287.568          | -                     |
| Nhận tài trợ từ ngân hàng HSBC                            | 443.375.000          | 123.859.000           |
| Nhận tài trợ từ Đại sứ quán Pháp                          | 289.551.122          | -                     |
| Nhận tài trợ từ Alliance Anti Traffics                    | 221.945.000          | -                     |
| Nhận tài trợ từ Sài Gòn Childrens Charity                 | 98.880.000           | -                     |
| Nhận tài trợ từ Đại sứ quán Mỹ                            | 87.642.800           | 19.200.600            |
| Nhận tài trợ cá nhân                                      | 30.034.515           | 40.995.763            |
| Nhận tài trợ từ Social Enterprise Grant                   | -                    | 101.829.100           |
| Nhận tài trợ từ Gerard Hiltean                            | -                    | 27.336.000            |
| Nhận tài trợ từ tổ chức Sharing International             | -                    | 11.106.385            |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>8.934.716.005</b> | <b>10.477.269.791</b> |

**2. Trợ cấp từ các nguồn khác**

|   | Năm nay<br>VNĐ     | Năm trước<br>VNĐ   |
|---|--------------------|--------------------|
| Thu lãi từ tiền quỹ bảo hiểm xã hội cho vay | 19.740.600         | 39.051.000         |
| Thu khác                                    | 108.796.500        | 74.433.000         |
| <b>Tổng cộng</b>                            | <b>128.537.100</b> | <b>113.484.000</b> |

**3. Chi phí hoạt động**

|   | Năm nay<br>VNĐ       | Năm trước<br>VNĐ     |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>1. Chi phí nguyên liệu</b>                               | <b>1.951.624.751</b> | <b>3.288.224.574</b> |
| 1.1 Chi phí hàng thủ công                                   | 1.174.036.852        | 1.562.437.772        |
| 1.2 Chi phí hàng xe đạp tre                                 | 777.587.899          | 1.725.786.802        |
| <b>2. Chi phí vật liệu khác, công cụ nhỏ</b>                | <b>82.764.427</b>    | <b>158.900.150</b>   |
| 2.1 Chi phí văn phòng phẩm                                  | 24.234.427           | 29.387.850           |
| 2.2 Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý                        | 56.650.000           | 121.207.300          |
| 2.3 Chi phí máy vi tính trường học                          | 1.880.000            | 8.305.000            |
| <b>3. Chi phí năng lượng</b>                                | <b>57.978.659</b>    | <b>47.706.663</b>    |
| 3.1 Chi phí gas, điện, nước                                 | 57.978.659           | 47.706.663           |
| <b>4. Chi phí cư trú</b>                                    | <b>109.635.000</b>   | <b>171.871.800</b>   |
| 4.1 Chi phí thuê văn phòng, vật dụng văn phòng              | 109.635.000          | 171.871.800          |
| <b>5. Chi phí sửa chữa, nhiên liệu</b>                      | <b>317.704.468</b>   | <b>641.451.392</b>   |
| 5.1 Chi phí xăng xe và sửa chữa xe cho nhân viên công tác   | 317.704.468          | 641.451.392          |
| <b>6. Chi phí đào tạo và văn phòng phẩm</b>                 | <b>2.993.174.231</b> | <b>4.357.228.450</b> |
| 6.1 Chi phí ngày 31 tháng 5 (Ngày không hút thuốc lá)       | 12.000.000           | 99.693.000           |
| 6.2 Chi phí tập huấn, họp nhóm hộ khó khăn                  | 42.468.500           | 60.383.520           |
| 6.3 Chi phí tập huấn cộng tác viên                          | 50.095.400           | 87.819.900           |
| 6.4 Chi phí tập huấn lớp nông nghiệp và thú y               | 63.011.700           | 80.714.700           |
| 6.5 Chi phí tham quan chương trình nông nghiệp              | 4.250.000            | 33.400.000           |
| 6.6 Chi phí làm mô hình chương trình nông nghiệp            | 17.147.000           | 67.612.500           |
| 6.7 Chi phí mua dụng cụ, con giống chương trình nông nghiệp | 4.217.500            | 14.782.500           |
| 6.8 Chi phí photo tài liệu tập huấn nông nghiệp             | 5.485.000            | 4.921.700            |
| 6.9 Chi phí hội thảo mô hình, hội thi                       | 10.315.000           | 44.446.400           |

**TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ**Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam  
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ (tiếp theo)****3. Chi phí hoạt động (tiếp theo)**

|   | Năm nay<br>VNĐ        | Năm trước<br>VNĐ      |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>6. Chi phí đào tạo và văn phòng phẩm (tiếp theo)</b> |                       |                       |
| 6.10 Chi phí vật liệu giáo dục                          | 91.368.400            | 192.775.220           |
| 6.11 Chi phí tập huấn y tế học đường                    | 424.414.500           | 851.009.840           |
| 6.12 Chi phí mua thiết bị cho trường học                | 344.560.000           | 168.913.500           |
| 6.13 Chi phí thuốc và thuốc tây giun cho trường học     | 2.900.000             | 252.300               |
| 6.14 Chi phí cấp học bổng                               | 910.759.900           | 1.127.127.000         |
| 6.15 Chi phí cho đối tác                                | 105.446.000           | 131.183.200           |
| 6.16 Chi phí đào tạo nhân viên                          | 53.174.400            | 181.604.000           |
| 6.17 Chi phí mua thuốc hồ hấp                           | 4.830.000             | 8.335.000             |
| 6.18 Chi phí hồ xỉ sạch công cộng                       | 188.287.501           | 230.569.000           |
| 6.19 Chi phí xử lý rác                                  | 27.160.000            | 221.202.000           |
| 6.20 Chi phí kiểm toán                                  | 22.480.280            | 26.011.540            |
| 6.21 Chi phí thẩm định mở rộng dự án                    | 12.000.000            | -                     |
| 6.22 Chi phí tập huấn phụ nữ                            | 176.014.800           | 406.233.930           |
| 6.23 Tập huấn hàng thủ công                             | 227.322.100           | 315.489.700           |
| 6.24 Chi phí cho tình nguyện viên                       | 13.216.000            | 2.748.000             |
| 6.25 Tài trợ trung tâm vi tính                          | 180.250.250           | -                     |
| <b>7. Chi phí dịch vụ khác</b>                          | <b>612.788.000</b>    | <b>367.249.212</b>    |
| 7.1 Chi phí linh tinh                                   | 58.706.000            | 75.946.000            |
| 7.2 Chi phí cho hộ khó khăn                             | 554.082.000           | 291.303.212           |
| <b>8. Chi phí di chuyển và dịch vụ văn phòng</b>        | <b>143.235.945</b>    | <b>273.185.471</b>    |
| 8.1 Chi phí vận chuyển                                  | 2.740.000             | 12.565.000            |
| 8.2 Chi phí công tác nhân viên                          | 57.233.000            | 58.373.000            |
| 8.3 Chi phí điện thoại, fax, gửi thư                    | 83.262.945            | 202.247.471           |
| <b>9. Chi phí khấu hao tài sản</b>                      | <b>-</b>              | <b>134.537.250</b>    |
| <b>10. Chi phí lương phải trả</b>                       | <b>4.786.458.318</b>  | <b>4.053.539.634</b>  |
| <b>10.1 Chi phí nhân viên</b>                           | <b>4.194.913.318</b>  | <b>3.146.890.234</b>  |
| 10.1.1 Chi phí lương, thưởng cho nhân viên              | 3.504.001.499         | 2.396.532.084         |
| 10.1.2 Chi phí bảo hiểm tai nạn cho nhân viên           | 6.643.000             | 64.541.000            |
| 10.1.3 Chi phí BHXH cho nhân viên                       | 684.268.819           | 685.817.150           |
| <b>10.2 Chi phí lương và chi khác cho cộng tác viên</b> | <b>591.545.000</b>    | <b>906.649.400</b>    |
| <b>11. Chi phí quản lý khác</b>                         | <b>2.249.615.945</b>  | <b>3.195.476.000</b>  |
| 11.1 Chi phí công tác phí nhân viên đi địa bàn          | 1.986.515.945         | 3.195.476.000         |
| 11.2 Chi phí thuê xe đi công tác                        | 263.100.000           | -                     |
| <b>12. Chi phí khác</b>                                 | <b>15.414.750</b>     | <b>209.400.000</b>    |
| <b>13. Chi phí tài chính</b>                            | <b>43.991.790</b>     | <b>93.780.358</b>     |
| 13.1 Chi phí tài chính                                  | 1.485.188             | 2.162.110             |
| 13.2 Chênh lệch tỷ giá                                  | 42.506.602            | 91.618.248            |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>13.364.386.284</b> | <b>16.992.550.954</b> |

**TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ**

Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam  
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào diễn ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Minh Thuận  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Thân  
Giám đốc  
Ngày 2 tháng 3 năm 2017